TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1528/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2 đường H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: E đường T, tổ A, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K thường xuyên uống rượu bia, không lo cho gia đình, vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông K.

- Về con chung: có 02 trẻ tên Nguyễn Đoàn Phi L, sinh ngày 03/4/2010 và Nguyễn Đoàn Thảo T, sinh ngày 25/10/2014. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ L, T và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông K tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 68 Quyển số 1/2009 do Ủy ban nhân dân Phường D1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2009 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn khai sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên uống rượu bia, không lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ năm 2018 vợ chồng không còn sống chung cho đến nay, mạnh ai nấy sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông K vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông K không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người đã không chung sống hơn 04 năm, một quãng thời gian dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà N và ông K đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà N và ông K có có 02 người con tên Nguyễn Đoàn Phi L, sinh ngày 03/4/2010 và Nguyễn

Đoàn Thảo T, sinh ngày 25/10/2014. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ L, trẻ T và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; đồng thời, trẻ L, trẻ T có nguyện vọng sống chung với bà N nếu cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Đoàn Thị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đoàn Phi L, sinh ngày 03/4/2010 và trẻ Nguyễn Đoàn Thảo T, sinh ngày 25/10/2014 cho bà Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ L, trẻ T lần lượt tròn 18 tuổi; tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi có yêu cầu của bà N.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Đoàn Thị N phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0015364 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Phụng